

Bản án số 265/2017/HSPT.
Ngày: 08/6/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Diệp.

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

2. Bà Trần Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Dương Ngọc Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 08/6/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 195/2017/HSPT ngày 14/4/2017 đối với bị cáo Lê Khắc T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2017/HSST ngày 28/02/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Bị cáo có kháng cáo:

Bị cáo Lê Khắc T; giới tính: nam; sinh năm: 1996; nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: không; Con ông Vũ Ngọc T (chết) và bà Lê Thị Minh L; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ, con; tiền án: không, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 11/8/2016 (có mặt).

2. Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

Ngoài ra có bị cáo Lê Minh Đ không kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị (vắng mặt).

3. Người bị hại:

Nguyễn Thanh Phương D; sinh ngày 28/8/2000.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1969 - là cha ruột, đại diện theo pháp luật - nơi cư trú: phường C, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 09/8/2016, Lê Minh Đ và Lê Khắc T cùng chơi internet tại số 206 đường X, quận E. Một lúc sau có Nguyễn Thanh Phương D chạy chiếc xe máy hiệu Honda Wave, biển số 59E1 - 689.XX đến, chơi được một lúc thì D, Đ đi uống cà phê rồi trở lại tiệm internet. Tại đây, D đưa cho Đ giữ dùm chiếc bóp bên trong có số tiền 300.000 đồng, D nằm ngủ trên ghế. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày thấy D ngủ say, Đ rủ T lấy xe của D mang bán lấy tiền tiêu xài. T đồng ý và đứng canh giới cho Đ lục túi quần của D lấy chìa khóa, thẻ giữ xe. Đ ra lấy xe của D chạy đi và hẹn gặp T tại trường H, phường C, quận E. Cả hai chờ nhau trên xe của D tìm nơi tiêu thụ.

Đến khoảng 10 giờ ngày 10/8/2016 khi Đ, T đang chơi internet thì Đ nhận được tin nhắn của D qua facebook yêu cầu trả xe, Đ ra giá chuộc xe là 2.000.000 đồng và hẹn gặp D tại Siêu thị A vào trưa ngày 11/8/2016. Đến khoảng 09 giờ 30 phút ngày 11/8/2016 Đ chở T bằng xe máy của D đến điểm hẹn thì bị Công an Phường C, Quận E bắt giữ.

Quá trình điều tra, Lê Minh Đ còn khai nhận: trước đó, khoảng 05 giờ ngày 23/7/2016, cũng bằng thủ đoạn như trên bị cáo đã lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động hiệu Microsoft Lumia 640XL Dual màu đen của ông Trần Hữu Plà khách đến chơi tại tiệm internet số 305 đường Y, phường C, quận E. Sau đó, Đ kể lại và cho T xem chiếc điện thoại đã lấy trộm được của ông P. Cả hai bàn tìm nơi tiêu thụ lấy tiền tiêu xài. Khi Đ và T mang chiếc điện thoại đến tiệm cầm đồ “K” số 59 đường K, phường C, quận E do Bùi Chiến T1 làm chủ thì T đứng bên ngoài, Đ đi vào trong làm biên nhận cầm được 1.400.000 đồng. Đ cho T 200.000 đồng, số còn lại cả hai cùng tiêu xài.

Bản kết luận định giá tài sản số 239/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 09/9/2016 xác định chiếc xe hai bánh gắn máy hiệu Honda Wave, biển số 59E1-689.XX trị giá 16.000.000 đồng và điện thoại di động hiệu Microsoft Lumia 640XL Dual trị giá 2.000.000 đồng.

Cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú đã truy tố bị cáo Lê Minh Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Khắc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2017/HSST ngày 28/02/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm g, h, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Minh Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2016;

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; khoản 1 Điều 250; điểm g, h, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 50 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Khắc T 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2016.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/3/2017 bị cáo Lê Khắc T kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa,

1. Bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo hối hận, không dám tái phạm, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình.

2. Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Về hình thức: đơn kháng cáo của bị cáo đúng quy định. Về nội dung: Hành vi phạm tội của bị cáo đúng với nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố và Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa ra xét xử. Bị cáo T phạm hai tội, khi xét xử cấp sơ thẩm đã không áp dụng tình tiết tăng nặng là “phạm tội đối với trẻ em” với các bị cáo là có thiếu sót vì khi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trẻ D chưa đủ 16 tuổi, nên xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì mức hình phạt cấp sơ thẩm dành cho bị cáo là đã có giảm nhẹ. Tại phiên tòa phúc thẩm xét thấy không có tình tiết giảm nhẹ nào khác nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

1. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Khắc T phù hợp với quy định tại Điều 231, 234 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 nên được chấp nhận.

2. Về nội dung kháng cáo: Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Bị cáo Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần”. Bị cáo T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 138, Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Do đó, bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên bị cáo Lê Khắc T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138; và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1

Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) là đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cho hai bị cáo, Hội đồng xét xử sơ thẩm có những thiếu sót sau:

- Trước khi thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp chiếc xe, Lê Minh Đ đã thực hiện hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” là chiếc điện thoại di động; Lê Khắc T đã thực hiện hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” cho hai bị cáo khi xét xử hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

- Vào thời điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, người bị hại là Nguyễn Thanh Phương D chưa tròn 16 tuổi nên các bị cáo còn có tình tiết tăng nặng là “phạm tội đối với trẻ em” theo điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự nhưng cấp sơ thẩm đã không áp dụng tình tiết này.

- Trong vụ án đồng phạm này, cả hai lần thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T đều giữ vai trò là người giúp sức: đối với vụ trộm xe, bị cáo T là người đứng canh, Đ trực tiếp lấy xe; đối với vụ trộm chiếc điện thoại, Đ là người lấy điện thoại, sau đó nói cho T biết và rủ T đi tiêu thụ. Khi đến nơi T đứng ngoài, Đ là người thực hiện hành vi cầm chiếc điện thoại để lấy tiền, biên nhận cầm đồ ngày 23/7/2016 đứng tên Đ. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã nhận định: “...bị cáo Đ là người khởi xướng, rủ rê, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp nên phải chịu trách nhiệm chính. Bị cáo T với vai trò là người canh giới nên chịu trách nhiệm với vai trò giúp sức tích cực...” là đúng nhưng khi quyết định mức hình phạt, Hội đồng xét xử sơ thẩm lại tuyên phạt cho hai bị cáo Đ và T mức hình phạt bằng nhau là đã chưa xem xét, đánh giá trên cơ sở áp dụng Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự về đồng phạm và quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm.

Ngoài ra, đối với hành vi Đ ra giá số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) uy hiếp D phải chuộc chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave rồi cả hai hẹn gặp D để lấy tiền. Hành vi này được thực hiện sau khi các bị cáo đã hoàn thành tội “Trộm cắp tài sản” nên có dấu hiệu phạm thêm tội khác nhưng chưa được cấp sơ thẩm xem xét do giới hạn của việc xét xử theo quy định tại Điều 196 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003: “Toà án chỉ xét xử những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Toà án đã quyết định đưa ra xét xử”. Do đó, kiến nghị Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát xem xét đối với hành vi này. Khi cơ quan điều tra và Viện kiểm sát thấy có cơ sở, đủ căn cứ, cần thiết và truy tố thêm hành vi phạm tội thì Toà án sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

Căn cứ những nhận định trên, yêu cầu kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Khắc T có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hội đồng xét xử sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong việc xem xét toàn bộ vụ án, đánh giá tính chất, mức độ, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án có tính đồng phạm một cách chính xác, toàn diện khi quyết định hình phạt.

3. Những vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 241, điểm b khoản 2, 3 Điều 248, Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Khắc T và sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Lê Khắc T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h khoản 1 Điều 48, điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 20, Điều 53, Điều 50 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Khắc T 10 (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm g, h, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 03 (ba) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 01 (một) năm 01 (một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/8/2016.

2. Về án phí: áp dụng Điều 98, khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; điểm a khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Quốc Hội ngày 30/12/2016, khoản 2 Mục I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Lê Khắc T phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền và không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh, mức hình phạt, án phí đối với bị cáo Lê Minh Đ và xử lý vật chứng không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND, VKSND Cấp cao tại TP.HCM; (4)
- VKSND TP.HCM; (3)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư Pháp; (1)
- Trại giam (PC81B); (1)
- P.PC53 – CATP; (1)
- TAND, VKSND, THA, Công an
Quận Tân Phú; (3)
- Những người tham gia tố tụng; (7)
- Lưu: Tòa Hình sự, hồ sơ. (5) (T/26)

Châu Thị Diệp